

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trường Giang
Ông Đặng Quốc Toàn
Ông Đặng Quốc Toàn
Bà Trần Thị Thúy Hằng
Ông Vũ Quang Tiệp
Bà Đỗ Hồng Nhung
Ông Trần Quốc Hưng
Ông Đoàn Quyết Thắng
Ông Phạm Anh Tuấn
Ông Nguyễn Việt Đức

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)

Ban Giám đốc

Ông Trần Quốc Hưng
Bà Hứa Thị Anh Đào
Bà Đỗ Hồng Nhung

Giám đốc
Phó Giám đốc (Kiểm Kế toán trưởng)
Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Số: 098 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2016, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.861.416.228	9.236.238.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.258.291.937	288.682.795
1. Tiền	111		6.258.291.937	288.682.795
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.589.216.336	7.602.690.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.465.538.431	7.489.548.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.397.237	87.686.183
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	43.280.668	25.456.040
III. Hàng tồn kho	140	8	1.006.861.155	1.344.865.417
1. Hàng tồn kho	141		1.120.382.259	1.377.327.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(113.521.104)	(32.462.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.046.800	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.046.800	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.433.064.817	4.323.352.491
I. Tài sản cố định	220		4.147.314.817	4.323.352.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.147.314.817	4.323.352.491
- Nguyên giá	222		6.215.264.087	6.215.264.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.067.949.270)	(1.891.911.596)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.285.750.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	150.285.750.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		166.294.481.045	13.559.591.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		940.967.977	3.149.315.374
I. Nợ ngắn hạn	310		940.967.977	3.149.315.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	882.820.170	3.006.883.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.948.847	35.867.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	25.045.750	93.906.310
4. Phải trả người lao động	314		3.035.892	1.335.520
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.117.318	5.387.868
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	5.934.470
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.353.513.068	10.410.275.718
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	165.353.513.068	10.410.275.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		266.203.333	414.720.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		232.787.531	141.033.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.033.514	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.754.017	141.033.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		166.294.481.045	13.559.591.092




Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016


Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng


Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	34.497.211.837	33.890.412.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.291.230	51.357.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		34.457.920.607	33.839.055.223
4. Giá vốn hàng bán	11	16	32.165.037.834	31.442.768.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2.292.882.773	2.396.286.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	115.474.262	166.735.396
7. Chi phí bán hàng	25	18	1.545.399.436	1.468.094.771
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	770.914.755	1.046.675.850
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - (25 + 26))	30		92.042.844	48.251.485
10. Thu nhập khác	31	20	49.256.023	160.436.661
11. Chi phí khác	32	21	23.346.510	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		25.909.513	160.436.661
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		117.952.357	208.688.146
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	26.198.340	67.654.632
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		91.754.017	141.033.514

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng



Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	36.385.795.023	33.354.465.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33.449.099.214)	(34.341.495.045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.001.944.281)	(922.614.819)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(67.992.302)	(132.294.188)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	146.521.005	165.244.891
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(770.892.963)	(426.945.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.242.387.268	(2.303.639.577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(150.285.750.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.971.874	4.042.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(150.272.778.126)	4.042.800
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	155.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(437.449.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	155.000.000.000	(437.449.533)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.969.609.142	(2.737.046.310)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	288.682.795	3.025.729.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.258.291.937	288.682.795



Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng



Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600004422 thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2015. Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng; Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã DST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 23 người (tại ngày 01/01/2015 là 23 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sản giao dịch bất động sản).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định có trụ sở chính tại số 13, phố Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ngoài ra Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định tại Hà Nội có địa chỉ tại số 70 phố Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp mã số Chi nhánh 0600004422-002 ngày 16 tháng 10 năm 2015.
- Công ty con - Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, Công ty mẹ sở hữu 99,99% vốn điều lệ Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được trình bày lại cho mục đích so sánh trên báo cáo tài chính này, như trình bày tại Thuyết minh số 25 - Số liệu so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest
Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty

Mối quan hệ

Công ty con
Ban lãnh đạo và Chủ sở hữu Công ty

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 100% trên giá bia một số hàng sách. Theo đó, giá trị của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển đã được trích lập lũy kế đến 31/12/2015 là 113.521.104 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 32.462.000 đồng).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	08 - 09
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	278.593.697	223.264.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.979.698.240	65.418.406
Cộng	<u>6.258.291.937</u>	<u>288.682.795</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>4.465.538.431</u>	<u>7.489.548.166</u>
Khách hàng vỡ luyện C1(Giao Thủy)	494.827.370	509.811.406
Khách hàng vỡ luyện C1(Trực Ninh)	84.889.396	739.960.680
Phải thu đối tượng khác	3.885.821.665	6.239.776.080
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<u>254.429.200</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	254.429.200	-
Cộng	<u>4.465.538.431</u>	<u>7.489.548.166</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	<u>43.280.668</u>	<u>25.456.040</u>
Tạm ứng	42.940.000	22.976.000
Bảo hiểm xã hội	340.668	2.480.040

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	1.120.382.259	(113.521.104)	1.377.327.417	(32.462.000)
Cộng	<u>1.120.382.259</u>	<u>(113.521.104)</u>	<u>1.377.327.417</u>	<u>(32.462.000)</u>

Trong năm Công ty đã trích lập dự phòng cho hàng tồn kho giảm giá trị tại thời điểm lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là 81.059.104 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Tại ngày 31/12/2015	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	777.335.236	570.492.720	544.083.640	1.891.911.596
- Khấu hao trong năm	106.170.700	60.866.974	9.000.000	176.037.674
Tại ngày 31/12/2015	883.505.936	631.359.694	553.083.640	2.067.949.270
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	4.197.597.354	116.755.137	9.000.000	4.323.352.491
Tại ngày 31/12/2015	4.091.426.654	55.888.163	-	4.147.314.817

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 748.988.370 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 703.988.370 đồng).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con			
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest (i)	150.285.750.000	-	150.285.750.000
Cộng	150.285.750.000	-	150.285.750.000

Ghi chú: (i) Khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest. Giá trị khoản vốn góp tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest chiếm 99,99% vốn điều lệ và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty con tại thời điểm 31/12/2015; Hoạt động chính của Công ty con là cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tiếp thị và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán cho các công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	882.820.170	872.820.170	3.006.883.256	3.006.883.256
- Nhà Sách Minh Đức	658.488.400	658.488.400	1.615.643.050	1.615.643.050
- Nhà sách giáo dục Bình Minh GoBi	127.246.800	127.246.800	399.711.000	399.711.000
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây	-	-	475.684.600	475.684.600
- Công ty Cổ phần Sách dân tộc	-	-	390.931.580	390.931.580
- Phải trả cho các đối tượng khác	97.084.970	87.084.970	124.913.026	124.913.026

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	50.760.038	278.170.789	310.537.501	18.393.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.654.632	26.198.340	67.992.302	860.670
Thuế thu nhập cá nhân	491.640	26.076.470	20.776.356	5.791.754
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.460.000	8.460.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.620.000	2.620.000	-
Các loại thuế khác	-	500.000	500.000	-
Cộng	93.906.310	342.025.599	410.886.159	25.045.750

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
Số 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	106.334.505	10.880.601.748						
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	141.033.514	141.033.514						141.033.514
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	(6.334.505)						(6.334.505)
Giảm khác	-	-	-	-	(167.575.506)	-	(167.575.506)						(167.575.506)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(437.449.533)	-	-	-	(437.449.533)						(437.449.533)
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	289.768.370	2.203.367	141.033.514	10.410.275.718						10.410.275.718
như được trình bày năm trước													
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	-	(2.203.367)	-	(2.203.367)						(2.203.367)
Số dư tại ngày 01/01/2015	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	291.971.737	-	141.033.514	10.410.275.718						10.410.275.718
như được trình bày lại													
Tăng vốn trong năm (i)	155.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	155.000.000.000
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	91.754.017	-	-	91.754.017
Chi phí phát hành Cổ phiếu (i)	-	(148.516.667)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(148.516.667)
Số dư tại ngày 31/12/2015	165.000.000.000	266.203.333	(437.449.533)	291.971.737	-	232.787.531	165.353.513.068						165.353.513.068

Ghi chú: (i) Trong năm Công ty đã phát hành 15.500.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 165.000.000.000 đồng theo Biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2015/BB-ĐHCĐ ngày 04/04/2015 và đã phát sinh chi phí phát hành với số tiền 148.516.667 đồng làm giảm thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.419.000	919.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.419.000	919.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2015, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<u>Vốn đã góp tại 31/12/2015</u>		<u>Vốn đã góp tại 01/01/2015</u>	
	<u>VND</u>	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>(%)</u>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (Cổ phiếu quỹ)	810.000.000	0,49%	810.000.000	8%
Vốn góp của các đối tượng khác	164.190.000.000	99,51%	9.190.000.000	92%
Cộng	<u><u>165.000.000.000</u></u>	<u><u>100,00%</u></u>	<u><u>10.000.000.000</u></u>	<u><u>100%</u></u>

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý:

Trong năm, Công ty đã xử lý xóa sổ khoản công nợ phải thu khó đòi đối tượng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường với số tiền 22.215.510 đồng theo Biên bản làm việc ngày 31/12/2015 do đối tượng nợ là Giám đốc cũ của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường đã mất.

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	34.497.211.837	33.890.412.816
Cộng	<u><u>34.497.211.837</u></u>	<u><u>33.890.412.816</u></u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<u><u>Năm 2015</u></u>	<u><u>Năm 2014</u></u>
Doanh thu bán sách và thiết bị giáo dục cho Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	253.399.305	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u><u>Năm 2015</u></u>	<u><u>Năm 2014</u></u>
Trong đó:	39.291.230	51.357.593
- Hàng bán bị trả lại	39.291.230	51.357.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác	49.256.023	160.436.661
Cộng	49.256.023	160.436.661

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	22.215.510	-
Nộp phạt tiền thuế	1.131.000	-
Cộng	23.346.510	-

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	117.952.357	208.688.146
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.131.000	98.832.910
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.131.000	98.832.910
- Chi phí phạt hành chính về thuế	1.131.000	98.832.910
Thu nhập chịu thuế	119.083.357	307.521.056
- Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.198.340	67.654.632

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Ban Giám đốc Công ty xác định không còn khoản chi phí nào nữa cần phải loại trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác; sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm; liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục; không có hoạt động kinh doanh khác. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Công ty có Chi nhánh hoạt động phụ thuộc tại địa chỉ số 70 phố Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Nam Định tuy nhiên đến ngày lập báo cáo tài chính này Chi nhánh tạm thời chưa phát sinh hoạt động. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Do Công ty không có khoản nợ vay nào nên hệ số đòn bẩy tài chính bằng 0.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(6.258.291.937)	(288.682.795)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>165.353.513.068</u>	<u>10.410.275.718</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.258.291.937	288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.508.819.099	7.515.004.206
Đầu tư tài chính dài hạn	150.285.750.000	-
Tổng cộng	<u><u>161.052.861.036</u></u>	<u><u>7.803.687.001</u></u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	887.937.488	3.012.271.124
Tổng cộng	<u><u>887.937.488</u></u>	<u><u>3.012.271.124</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công-nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.258.291.937	-	6.258.291.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.508.819.099	-	4.508.819.099
Đầu tư tài chính dài hạn	-	150.285.750.000	150.285.750.000
Tổng cộng	10.767.111.036	150.285.750.000	161.052.861.036
Tại 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	887.937.488	-	887.937.488
Tổng cộng	887.937.488	-	887.937.488
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.879.173.548	150.285.750.000	160.164.923.548
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.515.004.206	-	7.515.004.206
Tổng cộng	7.803.687.001	-	7.803.687.001
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.012.271.124	-	3.012.271.124
Tổng cộng	3.012.271.124	-	3.012.271.124
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.791.415.877	-	4.791.415.877

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, như sau:

Chi tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải thu ngắn hạn khác	2.480.040	22.976.000	25.456.040
Tài sản ngắn hạn khác	22.976.000	(22.976.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	289.768.370	2.203.367	291.971.737
Quỹ dự phòng tài chính	2.203.367	(2.203.367)	-

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng



Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị